Nói về hay nói cùng? Quyền đại diện của trẻ tự kỷ trong báo chí Việt Nam

Speaking about or speaking with? Representational rights of autistic children in the Vietnamese press

TS. LÝ LÊ TƯỜNG MINH
Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh
Email:minh.ly@umt.edu.vn

Ngày nhận bài: 07/6/2026 Ngày phản biện: 01/9/2026 Ngày duyệt đăng: 20/9/2026

Chủ đề của bài viết thuộc lĩnh vực: Báo chí truyền thông

Tóm tắt: *Bài viết này tiến hành nghiên cứu về cấu trúc nguồn tin và quyền đại diện trong tin tức Việt Nam liên quan đến trẻ tự kỷ. Dựa trên phân tích nội dung định tính của 95 bài báo trực tuyến được công bố bởi các cơ quan báo chí chính thống của Việt Nam trong khoảng thời gian từ năm 2022 đến 2024, bài viết tìm hiểu nguồn tin nào được chú trọng, trẻ tự kỷ được đại diện như thế nào, và ý nghĩa của điều này đối với truyền thông bao trùm. Trong bài viết này, kết quả cho thấy phụ huynh, chuyên gia, giáo viên và các tổ chức xã hội thường trở thành nguồn tin quan trọng, nhưng việc trẻ tự kỷ phát biểu trực tiếp vẫn còn ít. Ngoài ra, trẻ tự kỷ thường bị xem như một người cần được chăm sóc, hỗ trợ và bảo vệ, thay vì một chủ thể có quyền và trải nghiệm riêng biệt.*
Từ khoá: *tự kỷ; báo chí Việt Nam; quyền đại diện; nguồn tin; truyền thông bao trùm*

Abstract: *This article examines source structures and representational rights in Vietnamese news coverage of autistic children. Based on a qualitative content analysis of 95 online news articles published by mainstream Vietnamese press organizations between 2022 and 2024, the study explores which sources receive prominence, how autistic children are represented, and what these patterns mean for inclusive communication. The findings show that parents, experts, teachers, and social organizations frequently serve as important sources, while direct statements from autistic children remain limited. In addition, autistic children are often portrayed as individuals in need of care, support, and protection, rather than as subjects with rights and distinctive experiences.*
Keywords: *autism; Vietnamese press; representational rights; news sources; inclusive communication.*

1. Đặt vấn đề

Rối loạn phổ tự kỷ ở trẻ em là một vấn đề ngày càng được quan tâm trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, tâm lý học, công tác xã hội và truyền thông. Trong nhiều năm, tự kỷ chủ yếu được tiếp cận như một vấn đề phát triển thần kinh, gắn với các dấu hiệu về giao tiếp, tương tác xã hội, hành vi lặp lại, xử lý cảm giác và nhu cầu can thiệp sớm.

Ở Việt Nam, nhận thức về tự kỷ vẫn chưa thật đồng đều. Trong đời sống thường ngày, tự kỷ đôi khi bị hiểu nhầm là bệnh tâm thần. Có lúc, nó còn bị xem là do thiếu dạy dỗ. Một số người coi đây là "chuyện riêng của gia đình". Cũng có người nghĩ tự kỷ cần được chữa khỏi hoàn toàn. Những cách hiểu này dễ tạo thêm áp lực cho phụ huynh. Trẻ tự kỷ cũng có thể bị kỳ thị ở trường học. Trong cộng đồng, các em dễ bị nhìn bằng ánh mắt thương hại. Điều đó làm mờ nhu cầu hỗ trợ từ nhà trường, y tế và chính sách.

Trong bối cảnh ấy, báo chí có vai trò đáng chú ý. Báo chí đưa tự kỷ vào không gian công luận. Nhưng bài viết không chỉ cung cấp dấu hiệu hay câu chuyện gia đình. Nó còn gợi ý ai có trách nhiệm. Ai được quyền lên tiếng. Và trẻ tự kỷ được nhìn như người cần thương cảm, hay chủ thể có quyền.

Trên thế giới, nghiên cứu về truyền thông và tự kỷ khá đa dạng. Nhiều nghiên cứu cho thấy báo chí thường nhìn tự kỷ theo hướng y khoa. Các bài viết hay nhấn mạnh triệu chứng, chẩn đoán và can thiệp. Trong khi đó, kinh nghiệm sống và tiếng nói người tự kỷ ít được chú ý hơn. Muhamad và Yang (2017) phân tích báo chí Hoa Kỳ. Họ cho thấy tự kỷ thường được đặt trong vài khung quen thuộc. Đó là quan tâm con người, quy trách nhiệm, xung đột, đạo đức và hệ quả kinh tế. Khung quan tâm con người có thể tạo đồng cảm. Nhưng nó cũng dễ biến tự kỷ thành câu chuyện buồn của gia đình.

Tương tự, Karaminis và cộng sự (2023) phân tích báo chí Anh. Họ nhận thấy một số bài viết nhấn vào khó khăn và gánh nặng. Có bài còn làm nổi bật sự khác thường của người tự kỷ. Những mô tả này dường như dễ lặp lại định kiến, nhất là khi thiếu bối cảnh khoa học và xã hội phù hợp.

Một vấn đề khác là tiếng nói người tự kỷ thường vắng mặt. Baroutsis và cộng sự (2023) cho thấy điều này trong báo chí Úc. Tự kỷ được nhắc đến khá thường xuyên. Tuy vậy, người tự kỷ ít khi được trích dẫn trực tiếp. Thay vào đó là cha mẹ, chuyên gia hoặc đại diện tổ chức. Điều này đặt ra một vấn đề quan trọng: Truyền thông có thể nói về tự kỷ rất nhiều nhưng chưa chắc đã để người tự kỷ tự nói. Khi tiếng nói người trong cuộc bị thay thế, hình ảnh công chúng nhận được dễ bị lệch. Nó có thể thiện chí, nhưng vẫn chưa đủ.

Ở cấp độ rộng hơn, Mittmann và cộng sự (2024) cũng ghi nhận điều này. Truyền thông thường đặt tự kỷ giữa hai cực. Một bên là bi thương, thiếu hụt và cần chữa trị. Bên kia là thiên tài, khác biệt và phi thường. Cả hai cách nhìn đều có thể làm hẹp đời sống rất đa dạng của người tự kỷ.

Tại Việt Nam, nghiên cứu về tự kỷ trong những năm qua chủ yếu tập trung vào tâm lý học, giáo dục đặc biệt, chẩn đoán, can thiệp, tham vấn phụ huynh và các phương pháp trị liệu. So với các nghiên cứu thuộc lĩnh vực tâm lý học và giáo dục đặc biệt, nghiên cứu truyền thông về tự kỷ vẫn còn tương đối hạn chế. Một đóng góp gần đây của Yen-Khanh (2023) đã phân tích hình ảnh tự kỷ trong truyền thông tin tức số Việt Nam bằng hướng tiếp cận ngữ liệu tính toán và phân tích khung, qua đó gợi ý rằng truyền thông Việt Nam có vai trò quan trọng trong việc hình thành nhận thức cộng đồng về tự kỷ. Bài nghiên cứu của Lý Lê Tường Minh, Nguyễn Hoàng Mai và Nguyễn Bích Thủy (2026) cũng cho thấy báo chí Việt Nam trong giai đoạn hậu COVID-19 có xu hướng sử dụng nhiều khung quan tâm con người và quy trách nhiệm khi đưa tin về trẻ tự kỷ. Tuy nhiên, các nghiên cứu này vẫn để mở một câu hỏi quan trọng: trong những câu chuyện báo chí ấy, trẻ tự kỷ và người tự kỷ được hiện diện như thế nào trong cấu trúc nguồn tin và quyền phát ngôn?

Xuất phát từ khoảng trống trên, bài viết này không tiếp tục đặt trọng tâm vào việc phân loại các khung truyền thông, mà tập trung phân tích cấu trúc nguồn tin và quyền đại diện trong tin tức Việt Nam về trẻ tự kỷ. Mục tiêu của bài viết là làm rõ những nhóm nguồn tin nào được báo chí ưu tiên, trẻ tự kỷ và người tự kỷ được đại diện trực tiếp, gián tiếp hoặc vắng mặt ra sao, và sự phân bổ tiếng nói giữa phụ huynh, chuyên gia, nhà trường, tổ chức xã hội và người tự kỷ tạo ra hệ quả gì đối với truyền thông bao trùm và đạo đức báo chí. Dựa vào đó, tác giả đặt ra ba vấn đề nghiên cứu: (1) Những nguồn tin nào là những nhóm mà báo chí Việt Nam ưu tiên trong việc đưa tin về tự kỷ trẻ em? (2) Tự kỷ trẻ em và tự kỷ được thể hiện qua các bài báo một cách trực tiếp, gián tiếp hay hoàn toàn vắng bóng? (3) Việc phân bố tiếng nói giữa các bên liên quan mang lại hậu quả gì cho truyền thông đa chiều và đạo đức đại diện?

Điểm mới của bài viết nằm ở việc chuyển trọng tâm từ "báo chí nói gì về tự kỷ" sang "ai được quyền nói về tự kỷ trong báo chí". Cách tiếp cận này góp phần bổ sung cho nghiên cứu truyền thông y tế, truyền thông về khuyết tật và truyền thông về nhóm dễ bị tổn thương tại Việt Nam. Về mặt khoa học, bài viết xem tự kỷ không chỉ như một chủ đề truyền thông, mà như một trường hợp để phân tích quyền phát ngôn, thẩm quyền tri thức và tính chủ thể trong diễn ngôn báo chí. Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu có thể hỗ trợ các cơ quan báo chí, cơ sở đào tạo truyền thông, tổ chức xã hội và nhóm vận động chính sách xây dựng cách đưa tin chính xác, nhân văn và bao trùm hơn. Một nền báo chí có trách nhiệm không chỉ cần tránh kỳ thị, mà còn cần đặt câu hỏi liệu những người được nói đến có được hiện diện như những chủ thể có quyền, có kinh nghiệm và có tiếng nói hay không.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng cách tiếp cận định tính, dựa trên phân tích nội dung định tính và phân tích nguồn tin trong văn bản báo chí. Nghiên cứu này sử dụng lại bộ dữ liệu được xây dựng trong nghiên cứu về khung truyền thông đối với trẻ tự kỷ trong báo chí Việt Nam giai đoạn hậu COVID-19 (Lý Lê Tường Minh et al., 2026). Tuy nhiên, khác với nghiên cứu trước tập trung nhận diện các khung diễn giải nổi bật trong tin tức, bài viết hiện tại đặt câu hỏi về cấu trúc nguồn tin và quyền đại diện: ai được xem là nguồn có thẩm quyền, ai được phát biểu, và ai bị hạn chế hiện diện trong diễn ngôn báo chí. Vì vậy, mặc dù sử dụng cùng một corpus dữ liệu, nghiên cứu này có câu hỏi nghiên cứu, đơn vị phân tích và đóng góp lý luận khác biệt.

Nghiên cứu này dựa trên việc phân tích các bài báo trên mạng về chứng tự kỷ ở trẻ em trong báo chí Việt Nam. Trọng tâm của nghiên cứu không phải là phân tích về trẻ tự kỷ, người thân, nhà báo và chuyên gia như chúng ta thường thấy trong cuộc sống hằng ngày. Ngược lại, nghiên cứu chú trọng đến diễn ngôn trong văn bản, bao gồm nguồn thông tin, những nhân vật được đề cập , trích dẫn và việc miêu tả trẻ tự kỷ.

Dữ liệu nghiên cứu gồm 95 bài báo được thu thập từ năm cơ quan truyền thông chính thống tại Việt Nam: Vn-Express, Zing News, Thanh Niên, Sức Khỏe & Đời Sống và Báo Phụ Nữ. Các bài viết được công bố trong giai đoạn 2022-2024, tức giai đoạn hậu COVID-19, khi các vấn đề liên quan đến sức khỏe, giáo dục, chăm sóc trẻ em, bất bình

đẳng trong tiếp cận dịch vụ và hỗ trợ gia đình trở nên rõ nét hơn trong thảo luận xã hội.

Năm cơ quan báo chí được lựa chọn dựa trên ba tiêu chí: (1) là các cơ quan báo chí chính thống có lượng tiếp cận công chúng rộng; (2) có chuyên mục thường xuyên về xã hội, sức khỏe, giáo dục hoặc đời sống; và (3) có khả năng phản ánh nhiều dạng diễn ngôn khác nhau về trẻ tự kỷ.

Quy trình phân tích được thực hiện qua các bước sau. Trước hết, các bài báo được thu thập theo nhóm từ khóa liên quan đến "tự kỷ", "trẻ tự kỷ", "rối loạn phổ tự kỷ" và các biến thể diễn đạt phổ biến trong báo chí. Sau đó, dữ liệu được rà soát để loại bỏ bài trùng lặp, bài không liên quan trực tiếp hoặc bài không đủ nội dung phân tích. Tiếp theo, toàn văn từng bài được đọc và ghi nhận các yếu tố liên quan đến nguồn tin, nhân vật, cách trích dẫn, vai trò phát ngôn, giọng điệu và hình ảnh trẻ tự kỷ.

Toàn bộ 95 bài báo được tác giả đọc và mã hóa thủ công. Do nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích nội dung định tính theo hướng diễn giải, mục tiêu không phải đo lường tần suất xuất hiện của các biến mà nhận diện các mẫu hình về quyền phát ngôn và cấu trúc đại diện.

Các ghi chú phân tích được đối chiếu nhiều lần để nhận diện các mẫu hình nổi bật, chẳng hạn sự nổi bật của phụ huynh và chuyên gia, sự trung gian hóa tiếng nói của trẻ tự kỷ, và sự hạn chế của các nguồn tin đại diện cho quyền hoặc trải nghiệm người trong cuộc. Quy trình này kế thừa nguyên tắc phân tích nội dung của nghiên cứu tổng thể, trong đó việc đọc toàn văn, mã hóa, ghi nhận nguồn trích dẫn, phân tích mẫu hình và đối chiếu với tài liệu nghiên cứu được sử dụng nhằm hạn chế nguy cơ diễn giải quá xa so với dữ liệu thực tế.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Kết quả

Kết quả phân tích cho thấy báo chí Việt Nam viết về trẻ tự kỷ theo vài chủ đề quen thuộc: phát hiện sớm, can thiệp, giáo dục, chăm sóc và kỳ thị. Tuy vậy, điều đáng chú ý hơn là cấu trúc nguồn tin. Phụ huynh, bác sĩ, nhà trị liệu, giáo viên, tổ chức xã hội và cơ quan liên quan thường xuất hiện nhiều. Ngược lại, tiếng nói trực tiếp của trẻ tự kỷ hoặc người tự kỷ lại khá ít. Điều này tạo ra một nghịch lý trong quyền đại diện: mặc dù trẻ tự kỷ là trung tâm của chủ đề báo chí, các em không phải lúc nào cũng giữ vị trí trung tâm trong cấu trúc phát ngôn. Thay vào đó, trải nghiệm của các em thường được kể lại thông qua phụ huynh, chuyên gia hoặc các chủ thể trung gian khác.

Nguồn tin đầu tiên là phụ huynh hoặc người chăm sóc. Trong nhiều bài viết, họ là người kể câu chuyện chính. Họ nhận ra dấu hiệu, đưa trẻ đến thăm khám, tìm kiếm các biện pháp trị liệu. Họ cũng phối hợp với giáo viên và chuyên gia. Mặt khác, họ phải chịu nhiều áp lực từ các phương diện tinh thần, kinh tế và xã hội. Sử dụng nguồn tin như vậy có tính thực tiễn cao. Tại Việt Nam, gia đình vẫn giữ vị trí trung tâm. Phụ huynh nắm rõ quá trình chăm sóc hằng ngày. Họ có thể nói lên những chi tiết gần gũi và thực tế. Điều đó khiến bài báo dễ gây sự đồng cảm hơn.

Tuy nhiên, cách tiếp cận này cũng tạo ra một giới hạn nhất định. Khi tự kỷ được nói lên chủ yếu thông qua lời kể của cha mẹ, vấn đề dễ trở nên quá tập trung vào sự lo lắng, hy sinh và gánh nặng. Những trải nghiệm này là thật. Chúng cần được ghi nhận. Nhưng chúng không hoàn toàn trùng với trải nghiệm của trẻ tự kỷ. Phụ huynh có thể nói về hành trình chăm sóc. Nhưng họ không thể thay thế hoàn toàn tiếng nói của trẻ. Trẻ tự kỷ cũng có cảm giác, nhu cầu và sở thích riêng. Các em có cách giao tiếp riêng. Các em cũng có mong muốn được tôn trọng. Nếu báo chí không thấy khác biệt này, tiếng nói phụ huynh dễ thành tiếng nói đại diện duy nhất.

Chuyên gia là nhóm nguồn tin thứ hai. Họ là bác sĩ, nhà trị liệu, chuyên gia tâm lý học, giáo dục đặc biệt và các nguồn khác. Thông qua các nguồn này, bài báo có thể đưa ra cách giải thích cho các dấu hiệu. Họ tư vấn can thiệp, cảnh báo những sai lầm trong việc chăm sóc. Họ có thể giúp phản bác một số quan niệm sai lệch. Sự xuất hiện của chuyên gia góp phần nâng cao độ tin cậy của bài viết. Đó là điều quan trọng trong trường hợp tự kỷ chưa được hiểu rõ. Khi chuyên gia sử dụng ngôn ngữ khoa học, báo chí có thể góp phần thay đổi một số nhận thức sai lệch. Ví dụ, tự kỷ không do thiếu việc dạy dỗ. Nó không phải là bệnh tâm thần. Nó cũng không thể "chữa khỏi" bằng bất kỳ một biện pháp nào.

Dù vậy, chuyên gia quá nổi bật cũng tạo ra một lệch hướng. Tự kỷ khi đó thường được nhìn qua thẩm quyền chuyên môn. Điều này có mặt tích cực. Nhưng nó cũng dễ làm tự kỷ bị thu hẹp. Công chúng có thể chỉ xem tự kỷ là chuyện chẩn đoán, trị liệu và điều chỉnh. Cách nhìn ấy bỏ sót nhiều vấn đề khác. Tự kỷ còn gắn với quyền học tập, môi trường bao trùm và tham gia xã hội. Nó cũng liên quan đến tiếng nói của người trong cuộc. Giới hạn này đã được nhiều nghiên cứu quốc tế nêu ra. Truyền thông thường ưu tiên chuyên gia hơn người tự kỷ (Baroutsis et al., 2023; Mittmann et al., 2024).

Nhóm nguồn tin thứ ba gồm giáo viên, nhà trường và tổ chức xã hội. Một số bài cũng trích dẫn cơ quan liên quan. Họ thường xuất hiện trong bài về giáo dục hòa nhập. Họ cũng xuất hiện trong các chương trình hỗ trợ cộng đồng. Đây là nhóm nguồn tin cần thiết, vì tự kỷ không chỉ là chuyện gia đình hoặc y tế. Tuy nhiên, các nguồn này chưa luôn được đặt đúng vai trò. Họ thường là người hỗ trợ hoặc tổ chức hoạt động. Đôi khi họ chỉ đưa ra nhận xét chung. Ít bài dùng

họ để phân tích trách nhiệm hệ thống. Chẳng hạn, thiếu giáo viên hỗ trợ. Thiếu tiêu chuẩn dịch vụ. Thiếu nguồn lực học đường. Hoặc thiếu cơ chế bảo vệ quyền tiếp cận của trẻ.

Ở phía ngược lại, trẻ tự kỷ thường được mô tả như một đối tượng. Họ ít khi được chọn làm người phát ngôn. Thông thường, bài báo nhắc đến khả năng nói, tương tác và giao tiếp kém ở trẻ. Một số bài viết nêu lên các biểu hiện hành vi lặp lại và hòa nhập khó khăn. Đây là những thông tin hữu ích. Đặc biệt, bài báo muốn giúp cha mẹ nhận biết vấn đề kịp thời. Nhưng nếu chỉ tập trung vào những hạn chế, bức tranh sẽ bị thu hẹp lại. Công chúng khó nhận ra trẻ tự kỷ như những cá nhân trọn vẹn. Các em có cảm xúc, năng lực và ngôn ngữ giao tiếp riêng. Các em cũng có quyền tham gia vào đời sống xã hội. Nếu không, trẻ tự kỷ dễ bị xem là "trường hợp cần giúp đỡ".

3.2. Thảo luận

Kết quả trên cho thấy truyền thông về tự kỷ không chỉ là vấn đề lựa chọn chủ đề hoặc khung diễn giải, mà còn là vấn đề phân bổ quyền phát ngôn. Trong các bài báo được phân tích, người trong cuộc thường là nhóm ít có tiếng nói nhất; người chăm sóc nói nhiều hơn; chuyên gia có thẩm quyền giải thích; còn nhà báo tổ chức câu chuyện và quyết định cách các tiếng nói ấy được đặt cạnh nhau. Cấu trúc này không phải lúc nào cũng sai. Trong những bài viết liên quan đến trẻ em, đặc biệt là trẻ tự kỷ, nhà báo có trách nhiệm bảo vệ quyền riêng tư, tránh gây áp lực và tránh biến trải nghiệm cá nhân của trẻ thành chất liệu gây xúc động cho công chúng. Song, việc bảo vệ quyền riêng tư của trẻ tự kỷ không được phép phủ định tính chủ thể của trẻ trong diễn ngôn báo chí.

Vấn đề nằm ở sự khác biệt giữa "nói về", "nói thay" và "nói cùng". Báo chí cần nói về trẻ tự kỷ để cung cấp thông tin. Đây cũng là cách thức để tăng cường nhận thức xã hội. Trong nhiều tình huống, phụ huynh hay chuyên gia cần nói thay trẻ. Có thể trẻ còn quá nhỏ để giao tiếp, cần được bảo vệ. Song, truyền thông nhân văn không nên dừng lại ở đây. Báo chí cần tiến gần hơn đến "nói cùng". Nói cách khác, xem trẻ tự kỷ hay người tự kỷ là những chủ thể có quyền, có kinh nghiệm và cần được đại diện một cách tử tế. Đây không nhất thiết là yêu cầu tất cả các bài báo phải phỏng vấn trực tiếp trẻ tự kỷ. Báo chí có thể thực hiện nó bằng cách sử dụng ngôn ngữ tử tế, tránh tạo ra sự thương xót, bảo mật thông tin riêng tư, tham khảo ý kiến người tự kỷ trưởng thành, làm việc với tổ chức đại diện, hoặc tổ chức câu chuyện dựa vào khung quyền trẻ em và quyền người khuyết tật.

Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra nghịch lý trong truyền thông nhân văn. Truyện kể cảm động về người chăm sóc, giáo viên hoặc chuyên gia có thể làm tăng khả năng của công chúng đồng cảm với trẻ tự kỷ và gia đình của chúng. Tuy nhiên, nếu câu chuyện được tổ chức xung quanh nỗi khổ, hy sinh, nỗ lực phi thường hoặc lòng tốt, nó có thể làm củng cố hình ảnh trẻ tự kỷ như gánh nặng, đối tượng thương xót. Điều này phù hợp với đánh giá của các nghiên cứu quốc tế rằng hình ảnh tự kỷ trong truyền thông thường nằm trong hai cực: bi kịch và phi thường, song đời sống bình dị, đa dạng và phức tạp của người tự kỷ thì ít được phản ánh (Karaminis et al., 2023; Mittmann et al., 2024). Trong bối cảnh Việt Nam, xu hướng này có thể càng rõ hơn do văn hóa gia đình và kỳ vọng hy sinh của cha mẹ giữ vai trò mạnh trong cách xã hội hiểu về chăm sóc trẻ em.

Cần nói rõ rằng bài viết không phủ nhận vai trò của phụ huynh và chuyên gia. Thực ra, đây vẫn là hai nguồn tin rất cần thiết. Phụ huynh giúp công chúng thấy những khó khăn cụ thể trong gia đình. Chuyên gia giúp thông tin chính xác hơn, nhất là với chẩn đoán và can thiệp. Vấn đề không phải là loại bỏ hai tiếng nói này. Điều đáng bàn là chúng không nên trở thành những tiếng nói duy nhất. Vấn đề không nằm ở sự hiện diện của họ, mà ở sự mất cân bằng nếu họ trở thành những tiếng nói gần như duy nhất. Một bài báo tốt về tự kỷ nên kết nối nhiều dạng tri thức: tri thức chuyên môn của bác sĩ và nhà trị liệu, tri thức trải nghiệm của phụ huynh, tri thức sư phạm của giáo viên, tri thức chính sách của cơ quan quản lý, và đặc biệt là tri thức sống của người tự kỷ. Khi nhiều dạng tri thức được đặt cạnh nhau, tự kỷ có thể được hiểu như một vấn đề xã hội đa chiều, thay vì chỉ là câu chuyện điều trị, chăm sóc hoặc cảm thông.

Về mặt lý luận, kết quả nghiên cứu góp phần mở rộng cách tiếp cận truyền thông về tự kỷ tại Việt Nam. Nếu phân tích khung truyền thông giúp trả lời câu hỏi báo chí định dạng tự kỷ như vấn đề gì, thì phân tích nguồn tin và quyền đại diện giúp trả lời câu hỏi ai có quyền định nghĩa vấn đề đó. Đây là đóng góp quan trọng vì trong các chủ đề liên quan đến nhóm dễ bị tổn thương, quyền phát ngôn không chỉ là yếu tố kỹ thuật của bài báo, mà là một vấn đề đạo đức và chính trị của đại diện. Khi người tự kỷ ít được nghe thấy, hình ảnh tự kỷ trong công luận có thể vẫn thiếu cân bằng, dù bài báo có thiện chí.

Về thực tiễn, kết quả này gợi ý một hướng chuyển dịch. Báo chí Việt Nam cần đi từ cảm thông sang bao trùm dựa trên quyền. Cảm thông vẫn cần thiết. Nhưng báo chí không nên chỉ kêu gọi yêu thương hay giúp đỡ. Trẻ tự kỷ cần được nhìn như những cá nhân có quyền. Các em có quyền học tập, tham gia và được tôn trọng khác biệt. Các em cũng cần được hỗ trợ phù hợp, chứ không chỉ được thương hại. Do đó, khi đưa tin về tự kỷ, nhà báo nên đặt thêm các câu hỏi: bài viết này có đang mô tả trẻ chỉ qua thiếu hụt không; có đang biến phụ huynh thành người gánh toàn bộ trách nhiệm

không; có đang để chuyên gia nói thay tất cả các chủ thể khác không; có thể đưa vào tiếng nói của người tự kỷ trưởng thành hoặc tổ chức đại diện không; và có thể trình bày câu chuyện theo cách tôn trọng quyền, năng lực và phẩm giá của trẻ không?

Trên cơ sở này, truyền thông toàn diện không phải là tách rời cảm xúc ra khỏi bài viết, mà là vấn đề đặt chúng vào trong ngữ cảnh biểu hiện công bằng hơn. Bài viết về vấn đề khó khăn của cha mẹ có thể được tiếp nối bằng việc phân tích khả năng hỗ trợ giáo dục. Bài viết trích dẫn ý kiến chuyên gia có thể được tiếp nối bằng các trải nghiệm từ gia đình và những người mắc chứng tự kỷ. Bài viết về can thiệp sớm có thể không sử dụng thuật ngữ "giải cứu", mà chú trọng sự hỗ trợ môi trường. Trong khi đó, bài viết về trẻ tự kỷ cũng cần phải tôn trọng danh tính của trẻ, nhưng đồng thời phải đảm bảo rằng trẻ không bị mất đi quyền lợi, nhu cầu và nhân cách.

4. Kết luận

Bài viết này phân tích nguồn tin và quyền đại diện. Trọng tâm là tin tức Việt Nam về trẻ tự kỷ. Vấn đề không chỉ là báo chí nói gì về tự kỷ. Điều quan trọng còn là ai được quyền nói về tự kỷ. Kết quả cho thấy báo chí Việt Nam đã quan tâm đến chủ đề này. Nhiều bài viết có giọng điệu cảm thông và thiện chí. Chúng hướng đến nâng cao nhận thức xã hội. Tuy vậy, cấu trúc phát ngôn vẫn chưa thật cân bằng. Phụ huynh, chuyên gia, giáo viên và tổ chức thường nổi bật hơn. Trẻ tự kỷ hoặc người tự kỷ lại ít được nói trực tiếp. Điều này tạo ra một nghịch lý đại diện. Trẻ tự kỷ là trung tâm của nội dung. Nhưng các em hiếm khi là chủ thể phát ngôn. Các em thường được kể lại, mô tả hoặc bảo vệ. Ít khi các em được nhìn như người có tiếng nói riêng.

Phát hiện thứ nhất liên quan đến phụ huynh. Họ thường là nhân chứng cảm xúc trong bài báo. Họ cũng được đặt vào vai trò gánh vác chính. Cách viết này giúp công chúng hiểu áp lực gia đình. Nhưng nó cũng dễ làm tự kỷ thành chuyện riêng của cha mẹ. Phát hiện thứ hai liên quan đến chuyên gia. Họ thường giữ quyền giải thích về dấu hiệu và chẩn đoán. Họ cũng nói về can thiệp và trị liệu. Đây là nguồn tin cần thiết. Nó giúp thông tin chính xác hơn. Nhưng nếu quá dựa vào chuyên gia, tự kỷ dễ bị y khoa hóa. Công chúng có thể chỉ nhìn tự kỷ như vấn đề cần xử lý. Phát hiện thứ ba là vị trí của trẻ tự kỷ. Các em thường hiện diện như đối tượng được chăm sóc. Các em được can thiệp, bảo vệ hoặc mô tả. Ít bài cho thấy các em có năng lực, sở thích và cảm xúc riêng. Điều này làm hình ảnh trẻ tự kỷ trở nên hẹp hơn thực tế.

Về mặt khoa học, bài viết bổ sung cho nghiên cứu truyền thông tại Việt Nam. Nó chuyển trọng tâm từ khung tin sang nguồn tin và tiếng nói. Cách tiếp cận này có thể gợi ý rằng thiện chí chưa đủ. Một bài báo tích cực vẫn có thể mất cân bằng. Nhất là khi người được nói đến không được đại diện như chủ thể. Kết quả cũng gần với các nghiên cứu quốc tế. Những nghiên cứu này cho thấy người tự kỷ thường ít được trích dẫn trực tiếp. Tiếng nói của họ hay đi qua phụ huynh, chuyên gia hoặc tổ chức đại diện (Baroutsis et al., 2023; Mittmann et al., 2024).

Về mặt thực tiễn, nghiên cứu này gợi ý một hướng đi mới cho báo chí. Báo chí Việt Nam cần thay đổi từ sự cảm thông sang truyền thông bao trùm dựa trên quyền. Điều này không có nghĩa là phải phỏng vấn các em bé mọi lúc. Quyền riêng tư và an toàn cá nhân của các em vẫn luôn cần được bảo vệ. Tuy nhiên, báo chí có thể mở rộng nguồn tin. Báo chí có thể tham khảo ý kiến của những người lớn bị tự kỷ. Đồng thời, báo chí cũng cần tham khảo ý kiến của các tổ chức đại diện cho người tự kỷ, các chuyên gia giáo dục và cộng đồng hỗ trợ. Trong bài viết, việc mô tả trẻ tự kỷ chỉ vì thiếu hụt không nên quá mạnh mẽ. Mặt khác, việc nhấn mạnh quá nhiều vào bi kịch gia đình cũng không cần thiết. Đưa ra nhu cầu hỗ trợ và hòa nhập là điều quan trọng. Ngoài ra, các cơ sở đào tạo truyền thông báo chí cũng có thể dựa trên kết quả này để phát triển nội dung giảng dạy về đạo đức đưa tin với trẻ em, truyền thông sức khỏe, truyền thông về khuyết tật và truyền thông bao trùm./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Baroutsis, A., Eckert, C., Newman, S., & Adams, D. (2023). How is autism portrayed in news media? A content analysis of Australian newspapers articles from 2016–2018. Disability & Society, 38(6), 963-986 https://doi.org/10.1080/09687599.2021.1971067

2. Karaminis, T., Gabrielatos, C., Maden-Weinberger, U., & Beattie, G. (2023). Portrayals of autism in the British press: A corpus-based study. Autism, 27(4), 1092-1114. https://doi.org/10.1177/13623613221131752

3. Lý Lê Tường Minh, Nguyễn Hoàng Mai, & Nguyễn Bích Thủy. (2026). Framing of child autism in Vietnamese news media during the post-COVID-19 era. Trong Proceedings of DCEST 2026 "The impact of digital technology on economic growth and social development in the modern era" (tr. 248-261). Ho Chi Minh City Publishing House of Economics. ISBN: 978-604-346-546-4.

4. Mittmann, G., Schrank, B., & Steiner-Hofbauer, V. (2024). Portrayal of autism in mainstream media–a scoping review about representation, stigmatisation and effects on consumers in non-fiction and fiction media. Current Psychology, 43(9), 8008-8017 https://doi.org/10.1007/s12144-023-04959-6

5. Muhamad, J., & Yang, F. (2017). Framing autism: A content analysis of five major news frames in U.S.-based newspapers. Journal of Health Communication, 22(3), 190-197. https://doi.org/10.1080/10810730.2016.1256453

6. Yen-Khanh, N. (2023). Representation of autism in Vietnamese digital news media: A computational corpus and framing analysis. Communication Research and Practice, 9(2), 142-158 https://doi.org/10.1080/22041451.2023.2167510